

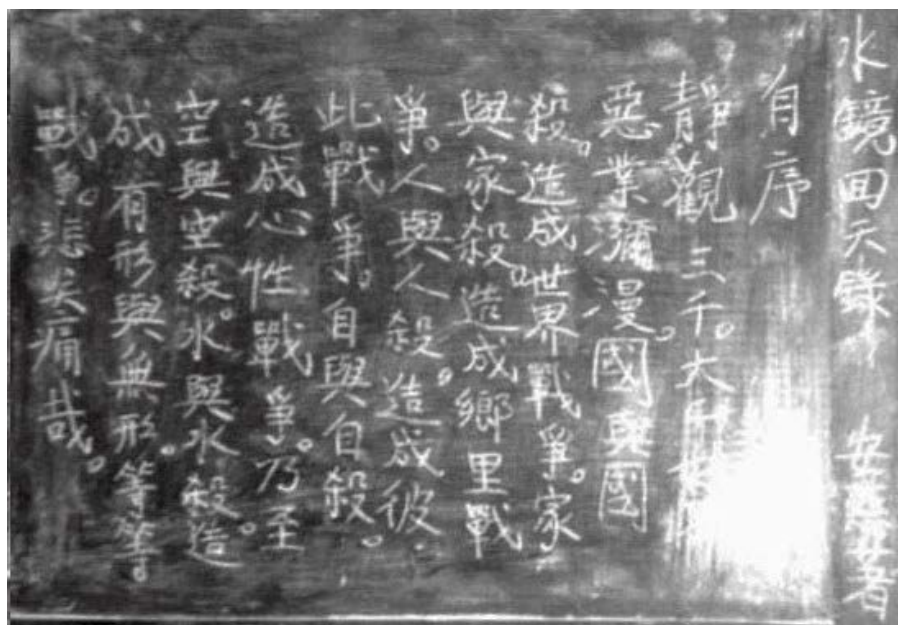
Thủy Kính Hồi Thiên

Hòa Thượng Tuyên Hóa

Tai ương ách nạn là do sát nghiệp sanh ra, sát nghiệp là do tâm sanh ra; nếu tâm không sanh lòng giết hại, lòng trộm cướp, lòng tà dâm, lòng nói dối, lòng uống rượu mà lại nghiêm trì năm giới, siêng tu tam vô lậu học (giới, định, huệ), thì tất cả ác nghiệp liền được tiêu trừ. Khi đó thì “bồn lai diện mục” không khó nhận thức, “bồn hữu trí huệ” tất tự nhiên hiện tiền. Cảnh vật ở nơi này kỳ diệu biết bao không nơi nào có được. “Bồn địa phong quang” có lý thú kỳ diệu riêng mà ý vị thật vô cùng tận! Chúng ta nếu muốn được thưởng thức cái ý vị đó thì phải phát khởi lòng hướng thiện, gạt lọc tâm tính, phát tâm đại tinh tấn dũng mãnh, lập chí tiến tu nguyện thành đạo quả, để cứu độ nhân sinh cùng tới được bờ bên kia, cùng các bậc thiện nhân cao thượng vui vầy một chỗ, mãi mãi được bầu bạn cùng các bậc Bồ Tát bất thoái. Cho nên, tôi viết quyển “Thủy Kính Hồi Thiên Lục” là vì mục đích này!

Hòa Thượng Tuyên Hóa

Phản Tựa



水鏡回天錄 安慈著 自序

靜觀三千大千世界，惡業瀰漫。國與國殺，造成世界戰爭。家與家殺，造成鄉里戰爭。人與人殺，造成彼此戰爭。自與自殺，造成心性戰爭。乃至空與空殺，水與水殺，造成有形與無形。等等戰爭。悲矣，痛哉！

Thủ bút Phản tựa Thủy Kính Hồi Thiên của Hòa Thượng Tuyên Hóa

Chúng ta hãy lắng lòng nhìn kỹ mà xem, khắp tam thiên đại thiên thế giới ngày nay, ác nghiệp đầy đầy, các quốc gia tàn sát nhau dẫn đến chiến tranh thế giới; nhà nhà giết hại lẫn nhau dẫn đến chiến tranh làng xóm, người người giết hại lẫn nhau tạo nên chiến tranh giữa mình và người; tự mình giết hại bản thân mình tạo thành chiến tranh trong tâm tánh; cho đến hư không cùng hư không giết hại nhau, nước cùng nước giết hại nhau, tạo thành các loại chiến tranh hữu hình và vô hình... Ôi! Thật là khổ đau và buồn thương vô hạn!

Vô lượng tai ương nạn ách đều do nghiệp sát tạo thành. Chúng ta nếu không kịp thời tỉnh thức ngăn chặn nguyên nhân sát sanh, duyên do sát sanh, phương pháp sát sanh, cùng nghiệp sát sanh, thì khó mà chuyển đổi được tai ách để được an lạc.

Tai ương ách nạn là do sát nghiệp sanh ra, sát nghiệp là do tâm sanh ra; nếu tâm không sanh lòng giết hại, lòng trộm cướp, lòng tà dâm, lòng nói dối, lòng uống rượu mà lại nghiêm trì năm giới, siêng tu tam vô lậu học (giới, định, huệ), thì tất cả ác nghiệp liền được tiêu trừ. Khi đó thì “bồn lai diện mục” không khó nhận thức, “bồn hữu trí huệ” tất tự nhiên hiện tiền. Cảnh vật ở nơi này kỳ diệu biết bao không nơi nào có được. “Bồn địa phong quang” có lý thú kỳ diệu riêng mà ý vị thật vô cùng tận! Chúng ta nếu muốn được thưởng thức cái ý vị đó thì phải phát khởi lòng hướng thiện, gạt lọc tâm tính, phát tâm đại tinh tấn đồng mãnh, lập chí tiến tu nguyện thành đạo quả, để cứu độ nhân sinh cùng tới được bờ bên kia, cùng các bậc thiện nhân cao thượng vui vầy một chỗ, mãi mãi được bầu bạn cùng các bậc Bồ Tát bất thoái. Cho nên, tôi viết quyển “Thủy Kính Hồi Thiên Lục” là vì mục đích này!

Tuy nhiên, nói thì dễ nhưng làm lại rất khó, nguyên nhân là do đâu ? Là bởi, chúng sinh trên bước đường tu tập điều thiện, dù được ân cần chỉ dạy năm lần bảy lượt, họ vẫn không thực hành theo; nếu gặp ác duyên, thì niệm niệm tăng trưởng, không ai dạy cho cũng tự biết làm! Kẻ làm đường lạc lối mà biết quay lại thật ít lắm thay! Thế thì, có khác nào “ánh trăng đáy nước, bóng hoa trong gương,” tuy có ảnh mà không hình. Đây chính gọi là sự hy vọng vào việc không thể hy vọng, sự thành tựu việc không thể thành tựu, cho nên nói rằng: “Thủy Kính Hồi Thiên” là thể đấy !

Ngày 17 tháng 11, năm Nhâm Thìn (1952), ngày Di Đà Đản Sanh

An Từ căn chí

Chú thích:

An Từ là pháp danh của Hòa thượng Tuyên Hóa.

Giải thích lý do viết “Thủy Kính Hồi Thiên Lục” bằng văn Bạch Thoại

Hòa Thượng Tuyên Hóa giảng vào ngày 1 tháng 10 năm 1988 tại Kim Sơn
Thánh Tự.

“Thủy và kính” (nước và gương) trong bộ “Thủy Kính Hồi Thiên Lục” này đều là những vật có bóng dáng nhưng không có hình tướng cụ thể; trăng trong nước và hoa trong gương đều không có tự thể. Hai ví dụ trên là động cơ để tôi viết nên bộ “Thủy Kính Hồi Thiên Lục” này, với mong ước cứu vãn phần nào tai kiếp trên thế giới hiện nay. Tai kiếp là số trời đã định; quý vị làm nhiều điều ác sẽ tự chuốc lấy quả báo, cho nên nói tự mình làm tự mình chịu. Tự làm tự chịu vốn là đạo lý rất công bằng, không có sức mạnh nào có thể cứu vãn, xoay chuyển được thiên số này. Cứu vãn là hy vọng tôi đã tạo vốn phải chịu quả báo có thể được giảm nhẹ, trở lại làm một người không gây tạo tội ác nữa. Thọ quả báo vốn là nghiệp đã tạo từ trước, hôm nay phải nhận lấy hậu quả; sự việc đã như vậy, khó có thể vãn hồi. Bây giờ chúng ta muốn cứu vãn tội nghiệp của mình, việc này cũng giống như trăng trong nước, hoa trong gương, thật là mờ mịt, thật không thể nắm bắt. Tuy nói không thể nắm bắt, và cũng rất là mờ mịt, nhưng tôi vẫn muốn làm, biết là nó không thể nhưng vẫn cứ muốn làm, biết rõ là không dễ vãn hồi, nhưng vẫn muốn xoay chuyển ý trời.

Chữ “Hồi thiên” này không phải là đi lên trời, mà là muốn vãn hồi lại ý trời, muốn cứu vãn tai kiếp lớn; muốn cứu con người ra khỏi vô số những tai kiếp vốn phải chịu trên thế gian như nạn đao binh, nạn nước, lửa, bệnh dịch tràn lan v.v.. trong tam tai bất nạn. Người phải chết trong nạn đao binh cũng chính là người phải chết trong nạn chiến tranh, chúng ta đến chiến trường cứu sống những người này lại; nước lớn nhận chìm người, lửa dữ thiêu chết người, chúng ta cứu người từ trong nạn nước lửa này; trước khi con người mắc phải hay chưa mắc phải vô số những bệnh dịch tràn lan như: bệnh ôn dịch, bệnh truyền nhiễm, bệnh Aids (sida) và bệnh ung thư không trị được... chúng ta dạy họ cách phòng ngừa, giúp họ thoát khỏi tay tử thần, cứu người sắp chết sống lại, đây gọi là “Thủy Kính Hồi Thiên Lục” và đây cũng là động cơ giúp tôi viết nên bộ sách này. Nói chung tuy trăng trong nước, hoa trong gương không có thật thể, nhưng trong cái hư vọng mờ mịt đó, tôi phải cố gắng hết sức mình để cứu vãn tai kiếp lớn này, khiến cho tai nạn không phát sanh trên thế giới của chúng ta.

Cho nên mới nói “Tĩnh quán tam thiên đại thiên thế giới” (*lặng lòng nhìn kỹ khắp tam thiên đại thiên thế giới*), “tĩnh” chính là bình tâm tĩnh chí, “quán” chính là xem xét, chúng ta bình tâm tĩnh chí để xem xét cái gì? Xem xét trong ba ngàn đại thiên thế giới, ác nghiệp đầy đầy. Một núi Tu di, một mặt trời mặt trăng, một tứ đại bộ châu hợp lại thì gọi là một thế giới. Thế thì một ngàn ngọn núi tu di, một ngàn mặt trời mặt trăng, một ngàn tứ đại bộ châu hợp lại thì gọi là một tiểu thiên thế giới; hợp một ngàn tiểu thiên thế giới lại, gọi là một trung thiên thế giới; hợp một ngàn trung thiên thế giới lại, gọi là một đại thiên thế giới. Hiện tại nói ba ngàn đại thiên thế giới, chính là tập hợp của ba cái “thiên”, tiểu thiên thế giới, trung thiên thế giới và đại thiên thế giới, nên gọi là ba ngàn đại thiên thế giới. Rốt cuộc ở đây có bao nhiêu thế giới? E rằng dùng máy tính cũng không thể tính đếm hết được số thế giới này.

Thế thì trong nhiều thế giới như vậy, thiện nghiệp trong mỗi thế giới rất ít, đa số đều là ác nghiệp, ác nghiệp lan tràn khắp nơi, đầy cả hư không pháp giới. Làm sao có thể chứng minh được nó đầy cả hư không pháp giới? Quý vị nhìn xem, người của đất nước này muốn giết người của đất nước kia, người của đất nước kia lại muốn giết người của đất nước này. Vì sao như thế? Vì họ nhất định muốn tiêu diệt đối phương để mở rộng lãnh thổ, quyền lợi và địa vị của mình cho nên mới tạo thành chiến tranh thế giới. Ô! Anh phát minh ra bom nguyên tử, tôi cũng phát minh ra bom khinh khí! Anh có phát minh ra cái gì, phát hiện ra một; tôi cũng phát minh ra cái khác, phát hiện ra hai, cứ thế không bao giờ chấm dứt. Những thứ được tạo ra đều là những vũ khí dùng để giết người, cho nên mới tạo thành chiến tranh thế giới.

Chiến tranh thế giới bắt nguồn từ đâu? Chính là bắt nguồn từ việc nhà với nhà giết hại lẫn nhau, có nhân sát, duyên sát, pháp sát và nghiệp sát. Giữa các nhà với nhau, anh muốn hủy diệt gia đình của tôi, tôi cũng muốn hủy diệt gia đình anh, đôi bên không chấp nhận lẫn nhau, cho nên mới tạo thành sự đối nghịch giữa các thôn làng, thậm chí đến gà chó cũng không được an toàn. Thế vì sao ngay trong gia đình cũng có chiến tranh? Vì những người trong cùng một nhà muốn giết hại lẫn nhau. Giáp muốn giết Ất (1), muốn tích chứa tất cả lương thực trên thế gian để riêng mình dùng; còn Ất thì sao? Ất cũng muốn giết Giáp, gom tất cả châu báu trên thế gian vào trong tay mình; cho nên mới tạo thành chiến tranh giữa con người với nhau, vì họ không thể dung hợp lẫn nhau. Chiến tranh giữa người và người là chuyện nhỏ, thậm chí đến bản thân mình cũng có sự xung đột, tự mình đối với

chính mình cũng có loại nhân sát, duyên sát, pháp sát và nghiệp sát. Nhân sát là trong tâm khởi lên niệm giết hại; nhân sát là gặp được việc phù hợp với tâm niệm sát, dẫn đến ra tay hành động; pháp sát là có được dịp thuận lợi rồi, nhưng người ra tay cần có một phương pháp, thế là tìm đủ mọi cách để giết người; giết người rồi, sẽ tạo thành nghiệp sát nhân. Đây chính là ngay nơi bản thân mình đã có sự tương sát! Ngay cả trong tâm cũng khởi lên chiến tranh, đây chính là lúc thế giới không có sự an ninh.

Chiến tranh trong tâm, dẫn đến chiến tranh giữa các gia đình, giữa các quốc gia. Vì có nghiệp sát như thế, nên thân làm nguyên thủ lãnh đạo quốc gia, ví dụ như làm quốc vương, tổng thống, hoàng đế sẽ đi gây chiến với nước khác. Vì giành đất mà gây chiến, sẽ giết người đầy đồng; vì tranh thành mà gây chiến, sẽ giết người ngập thành. Muốn giết thì phải có cách giết, thế là phóng ra một số khí độc, bom nguyên tử cũng có độc, bom khinh khí cũng có độc, cho đến hiện tại chế tạo ra hỏa tiễn, đạn đạo tầm xa cũng đều có một luồng khí độc, luồng khí độc này đầy cả hư không, khiến cho giữa hư không và hư không có sự hủy diệt lẫn nhau. Hư không kia của anh muốn chiếm hữu hư không này của tôi, hư không này của tôi cũng muốn nuốt chửng hư không kia của anh. Giữa nước với nhau cũng có sự tương sát, nước tương sát như thế nào? Anh thả khí độc vào trong biển, muốn giết hại người bên phía chúng tôi, người khác cũng thả độc vào nước, đôi bên đều thải ra chất độc hóa học, khiến cơ thể con người hít phải độc tố, mắc phải bệnh kỳ lạ không thể trị được. Những chất độc mang tính cảm nhiễm ngấm ngấm này đều rất đáng sợ, làm ô nhiễm không khí, ô nhiễm trái đất, nước cũng bị ô nhiễm, trên đất liền, dưới biển cả, trong hư không không nơi nào an toàn cả. Tai kiếp này vô cùng thảm khốc, cho nên nói “thảm thay, đau thay!” Thật là đáng sợ thay!

Nếu muốn vãn hồi tai kiếp này, muốn xoay chuyển lại ý trời, cứu vãn tất cả tai nạn, bệnh tật, vô hình trung khiến những điều trên không sanh khởi thì con người chúng ta nên giữ giới không giết hại và thực hành hạnh phóng sanh. Vì tất cả chiến tranh đều từ giết hại sanh mạng mà ra. Tại sao nầy sanh ra hành động giết hại sanh mạng? Vì khởi lên niệm giết hại, nếu không có niệm giết hại thì duyên giết hại, phương pháp giết hại và nghiệp giết hại cũng tự nhiên không có, dẫn đến không có tất cả những tai kiếp.

Vì vậy mà con người phải giữ gìn năm giới:

1. Không giết hại, ngay cả ý niệm giết hại cũng không có.

2. Không trộm cắp, ý niệm trộm cắp cũng không khởi.

3. Không tà dâm, không khởi lên ý niệm tà dâm. “Vạn điều ác dâm đứng đầu, trăm điều lành hiếu trước tiên” lại nói “vạn điều ác dâm đứng đầu, con đường chết không thể đi”. Quý vị mượn người ta bao nhiêu, sẽ phải trả lại bấy nhiêu, quả báo một mảy may chẳng sót.

4. Không nói dối, quý vị không thể luôn nói dối để dối gạt người, ngay cả ý niệm nói dối cũng không nên có.

5. Không uống rượu, cũng không nên khởi ý niệm uống rượu; uống rượu nhiều sẽ cuồng loạn tâm tánh, cuồng loạn tâm tánh sẽ gây ra rất nhiều việc trái với bổn phận, vượt ra ngoài đạo lý, không hợp phép tắc; cho nên phải kiêng bỏ uống rượu.

Quý vị có thể nghiêm trì năm giới, lại có thể thực hành mười điều thiện, đây chính là việc làm có thể tiêu diệt tai kiếp ác nạn trên thế gian; cho nên đang trong thời gian phòng ngừa tai họa, chúng ta nên hành trì năm giới; nếu ai cũng giữ gìn năm giới thì thế giới sẽ thái bình, con người không còn gặp phải tai nạn nữa.

Kiếp nạn lớn vốn là ý trời, muốn cứu vãn tai kiếp lớn chính là hồi thiên, quý vị có cách có thể xoay chuyển lại ý trời, mọi người đều sẽ được an lạc; mọi người an lạc, thế giới sẽ không còn chiến tranh. Kiếp nạn lớn là do sát sanh quá nhiều mà có; quý vị thấy con người chúng ta mỗi ngày giết bao nhiêu bò, dê, heo? Cho nên ngay cả tâm giết hại đều phải không có, phải thọ trì năm giới, chuyên cần tu tập ba môn học Giới, Định, Huệ. Cái gì gọi là Giới? Giới chính là không làm các điều ác, chuyên hành các điều thiện; Định là không làm việc không chánh đáng; Huệ chính là có trí huệ. Vì sao làm ác? Vì không giữ giới luật; nếu có thể giữ giới luật “không làm các điều ác, chuyên hành các việc lành”, tự nhiên sẽ thành tựu được thiện nghiệp. Cho nên muốn tiêu diệt tất cả các tai kiếp, tất phải trừ bỏ niệm giết hại, trộm cắp, dâm dục, vọng ngữ và uống rượu, thì mới có thể nhận thức được mặt mũi xưa nay của quý vị.

Mặt mũi xưa nay của quý vị là cái gì? Chính là “Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh và đều có thể làm Phật”. Quý vị có thể nhận thức được Phật tánh của

mình, tương lai nhất định sẽ thành Phật; trí tuệ thông minh vốn có của mình sẽ tự hiển bày, thấy được bốn địa phong quang. Bốn địa phong quang chính là nơi quý vị đã từng đến, cũng chính là đến được với Phật tánh của quý vị, Phật tánh vô cùng kỳ diệu, ý vị vô cùng. Chúng ta muốn thử làm thì đầu tiên phải như thế nào? Phải thanh tịnh ý chí, tâm tánh, hồi tâm hướng thiện, cải ác làm lành; lại còn phải tinh tiến dũng mãnh, phát tâm bồ đề, lập chí tu hành, thành tựu đạo quả, đây chính là một cách thức tốt.

Chúng ta còn phải rộng độ chúng sanh, độ mình độ người, giác mình giác người, lợi mình lợi người, nếu có ai chưa lìa khổ được vui thì là chúng ta chưa làm hết trách nhiệm của mình; mọi người cùng nhau liễu thoát sanh tử, lìa khổ được vui, đồng đến bờ giác, cùng chư thượng thiện nhân vui hợp một chỗ, Bồ tát bất thoái luôn làm bạn của chúng ta. Sở dĩ tôi viết ra “Thủy Kính Hồi Thiên Lục” chính là vì muốn làm được việc này; cho nên ai có thể nghiêm trì năm giới, người đó chính là chiến sĩ của “Thủy Kính Hồi Thiên Lục”.

Nhưng mà việc này nói ra thì dễ, làm lại rất khó. Vì sao vậy? Vì tánh thức của chúng sanh ở thế giới Ta bà vô định, khó điều phục, muốn họ làm lành, cho dù đã nhiều lần ân cần dạy dỗ, tận tâm chỉ bảo, vẫn rất khó làm cho họ tuân thủ làm theo. Nhưng vừa gặp phải ác duyên, ví dụ như đánh bạc, hút thuốc phiện, hoặc khiêu vũ, xem phim thì họ luôn khởi tâm muốn làm theo; những việc này không cần phải dạy, họ cũng tự biết rõ, cũng có thể nói là không thầy dạy nhưng tự biết. Trong biển nghiệp mênh mông, thực ra biết quay đầu trở lại rất ít! Cho nên việc muốn vẫn hồi lại ý trời cũng giống như trăng trong nước, có bóng nhưng không hình; giống như hoa trong gương, cũng có bóng mà không có hình, không có cơ sở.

Tuy nhiên, cái hy vọng chúng ta muốn vẫn hồi lại ý trời, không phải là trăng trong nước, hoa trong gương; nhưng muốn vẫn hồi lại ý trời cũng giống như trăng trong nước, hoa trong gương, không có căn cứ, không có thành tựu, căn bản là có bóng nhưng không có hình, chỉ có thể thấy mà không thể với tới, chỉ có thể xem mà không thể lấy được; nhưng cho dù là việc không thể làm được, tôi cũng muốn làm, đây chính là cái được gọi là “hy vọng trong cái không thể hy vọng, thành tựu trong cái không thể thành tựu”, cho nên tôi mới đặt tên bộ sách này là “Thủy Kính Hồi Thiên”, có nghĩa là việc tôi muốn làm thật không dễ thực hiện.

Chú thích:

(1) Người Trung Hoa dùng tên Giáp và Ất để ví dụ chỉ hai người nào đó như người A và B.

LỜI TỰ SỰ

Ban Biên Tập Thủy Kính Hồi Thiên Lục

Vào năm 1968, có 20 mươi thanh niên người Tây phương đến căn nhà nhỏ đơn sơ ở lầu bốn là Chùa Thiên Hậu thuộc khu người Hoa ở thành phố San Francisco, họ ngồi chung quanh chiếc bàn cũ kỹ. Căn phòng tuy chật hẹp, nhưng tâm của họ chẳng hẹp tí nào, một vị pháp sư người Trung Hoa đang chỉ vào những chữ Hán trên tấm bảng đen, hướng dẫn cho họ đọc từng chữ từng câu: “*Nhân sinh ngũ thập, nhi năng giác tứ thập cứu tuế chi phi giả, tức bất thất vi cải quá thiên thiện chi quân tử dã...*” (Người tuổi 50, như có thể biết những sai lầm của mình lúc 49 tuổi, tức không đánh mất đi bản chất sửa ác làm lành của người quân tử ...) Vị pháp sư hướng dẫn họ đọc đi đọc lại nhiều lần, mỗi lần lập lại là một lần gột sạch tâm tánh, làm cho tâm linh của họ được mở mang sung mãn.

Sau khi lập lại vài lần, Pháp sư bắt đầu dùng tiếng Bạch Thoại giảng giải những câu văn viết theo lối nửa kim nửa cổ, những thanh niên Tây phương này tuy không hoàn toàn hiểu hết, nhưng do trong lời giảng của pháp sư đã thể hiện được lực từ bi và trí tuệ đã thu hút họ chăm chú lắng nghe một cách sâu sắc. Sau đó thì có người phiên dịch lại những lời giảng giải của pháp sư...

Phần trước Hòa thượng Tuyên Hóa đã nói sơ lược về nội dung của “Thủy Kính Hồi Thiên Lục” trong thời kỳ đầu tại Giảng Đường Phật Học thuộc thành phố San Francisco, lúc đó người đến nghe đa số là những đệ tử người Tây phương, họ không hiểu tiếng Trung Hoa nhiều cho nên tất cả đều nhờ Hòa Thượng dạy cho. Sau này giảng đường Phật giáo dời đến chùa Kim Sơn cũ, trải qua mấy năm được Hòa Thượng khổ công đào luyện, các đệ tử dần dần đi vào nề nếp, khả năng tiếng Hoa cũng tiến bộ hơn, và Hòa Thượng cũng có thêm không ít những đệ tử người

Đông phương. Lớp học này vẫn tiếp tục duy trì, nhưng về phương cách thì có đôi khác—tuy vẫn do Hòa Thượng đích thân giảng về phần chánh văn, viết lên bảng, nhưng đầu tiên ngài cho các đệ tử thực tập diễn giảng, cuối cùng Hòa Thượng mới hướng dẫn mọi người đọc lại phần chánh văn và giải thích cho mọi người hiểu, đồng thời sửa lại những chỗ các đệ tử giảng chưa thấu đạt. Cùng một bản văn, trải qua nhiều lần giảng giải thì những đạo lý về Phật pháp, nhân quả, những luân lý đạo đức, lịch sử văn hóa, văn từ ngôn ngữ tự nhiên thấm sâu vào tâm các đệ tử, thậm chí bồi dưỡng được những nhân phẩm đạo đức như tánh kiên nhẫn, lòng bao dung lẫn nhau, tiếp nhận được những cái tốt xấu hay khiếm khuyết của người khác v.v.. ; đây là phương pháp thù thắng nhiệm màu mà Hòa Thượng đã khổ công đào luyện từng chút một cho hàng hậu học, bồi dưỡng nên những nhân tài hoằng pháp.

Tinh thần của Hòa Thượng là nắm vững tay chèo không cho nghiêng ngả, ngay cả bút pháp Xuân Thu cũng đều mượn sự hay dở của người xưa để làm gương soi cho hàng hậu học, Hòa Thượng vì muốn cứu vãn cơn sóng lớn đã lan xa, nên mới giảng nói Thủy Kính Hội Thiên Lục, tổng cộng qua hơn 20 năm, có gần khoảng 280 bài. Mấy năm gần đây, do trở ngại về nhân lực nên chỉ mới xuất bản được phần chánh văn, còn phần giảng giải bằng tiếng Bạch Thoại giống như ngọc ẩn lâu ngày, để không cô phụ bao tâm huyết Hòa Thượng đã bỏ ra nên chúng tôi phân Thủy Kính Hội Thiên Lục ra làm mấy chương dưới đây, theo thứ tự sẽ sao chép những phần đã được chỉnh lý ra bằng, phối hợp thêm tranh vẽ minh họa, lần lượt cho xuất bản. Trong đó nếu có những công án liên quan đến lịch sử đương thời do các đệ tử luyện tập giảng, vì trở ngại về mặt thời gian nên Hòa Thượng chưa giảng lại được, chúng tôi sẽ dùng phương cách chú thích thêm vào phía sau bản văn để độc giả có thể gần gũi được nguyên tác của Hòa Thượng và có thể hiểu rõ được bối cảnh lịch sử, số chương được phân như dưới đây:

1. Chương Hạo Nhiên
2. Chương Thánh Chúng
3. Chương Pháp Sư
4. Chương Cư Sĩ
5. Chương Hiền Thánh

6. Chương Đế Vương
7. Chương Văn Sĩ
8. Chương Cổ Nhân
9. Chương Kim Nhân

Nay do biên tập “Chương Đế Vương” xong trước, nên sẽ xuất bản trước, đồng thời cầu nguyện hôm nay xuất bản quyển sách này có thể làm cho lòng người không xu phụ theo thói đời, đạo đức không theo văn tự sách vở ngày nát dần đi, ngõ hầu mang lại một phần chánh khí rộng lớn, mọi người đều hiểu rõ được nhân quả, đổi ác làm lành, hình thành nên một thế giới đại đồng.

CẢM NHẬN CỦA ĐỘC GIẢ

Triều Sơn

Thế giới ngày nay là một thế giới như thế nào? Hòa thượng Tuyên Hóa đã từng hình dung như thế này:

Toàn thế giới đều vì tiền mà bất kể đến mạng sống, anh lừa gạt tôi, tôi lừa gạt anh. Tất cả các quốc gia trên thế giới đều thiếu vắng người thanh liêm, làm việc phục vụ cho nhân dân.

Trong tình trạng tâm tánh con người bị tiền tài, vật chất làm thiên lệch đến cao độ, Hòa thượng Tuyên Hóa đến khắp nơi hoằng pháp, đặt chân đến khắp Châu Á, Châu Âu và Bắc Mỹ. Có người so sánh sức hoằng pháp của Hòa Thượng với bom nguyên tử; nhưng Hòa Thượng lại cho rằng, dùng bom nguyên tử không thể khiến cho người ta tin phục, chỉ có dùng tám đức: hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sĩ vốn là luân lý đạo đức truyền thống của Trung Hoa để giáo hóa con người, mới có thể cứu vãn được đạo đức ở đời và tâm tánh của con người. Vì trong xã hội kỳ dị

muôn màu hiện nay có rất nhiều người không chỉ đánh mất Phật tánh của mình, mà ngay cả nhân tánh cũng không còn, biến cái nhân tánh vốn cao quý trở nên rất đỗi thấp hèn.

Vì không nở nhìn thấy cảnh đời loạn lạc, vận nước suy vong, lòng người hiểm ác, nên Hòa Thượng mới viết ra bộ Thủy Kính Hồi Thiên Lục, giống như động cơ Khổng Tử trước tác bộ Xuân Thu. Hơn ba ngàn năm trước, Khổng Tử chu du Liệt quốc, muốn dùng chính trị làm chuẩn mực cho đời; nhưng ý chí trung thành kiên trinh kia khó mà thực hiện được, cho nên ông trở về quê hương nước Lỗ, chuyển sang làm công tác giáo dục theo đường hướng mình vạch ra, đào tạo nhân tài lãnh đạo các nước. Khổng Tử được đời sau tôn kính gọi là “Chí thánh tiên sư”, “Vạn thế sư biểu” (Bậc Thầy đầu tiên trong hàng Thánh, bậc Thầy mô phạm cho vạn đời sau). Khổng Tử luôn tự hạ mình rằng chỉ truyền lại đạo lý của người xưa chứ không tự ý làm ra cái mới, nhưng nhìn thấy cảnh đời loạn lạc vận nước suy vong, đau lòng không dứt, nên mới mạo muội cầm lấy bút sử viết ra bộ Xuân Thu, ca ngợi người trung vạch trần kẻ nịnh, thưởng kẻ làm lành phạt người làm ác, khiến cho bọn loạn thần tặc tử sợ hãi, không còn chỗ dung thân trong trời đất.

Khổng Tử viết bộ Xuân Thu, văn phong nghiêm túc đường hoàng giống như các quan trong ban sử, cho dù dạo chơi mùa hè cũng không thêm thắt một lời; thể hiện tinh thần rất mực yêu nước thương dân, đong đầy nguyện lớn cứu đời mà người bình thường không dễ gì nhận ra được. Nên không có gì lạ khi Khổng Tử tự than rằng: “Người hiểu ta, chỉ có đọc qua Xuân Thu; người trách ta, cũng chỉ thông qua Xuân Thu!”

Chí khí và kiến thức của Khổng Tử rộng lớn uyên thâm; Hòa Thượng chúng ta lại càng tâm đồng hư không, lượng cùng pháp giới, không có tâm yêu riêng một thời, một nơi, một nhà, một nước nào, mà là trái lòng từ bi rộng khắp không phân biệt. Hòa Thượng trước tác Thủy Kính Hồi Thiên Lục, những nhân vật được giới thiệu đánh giá trong đây bao gồm tất cả các loại chúng sanh có trong lịch sử hoặc ngoài lịch sử từ xưa đến nay như bậc thánh thiện kẻ gian ác, bậc thượng lưu trí thức kẻ hạ lưu ngu muội, nam nữ già trẻ, phạm thánh đạn xen, rồng rắn hỗn tạp v.v... Từ sự thưởng phạt rõ ràng, thiện ác phân minh, độc giả các nước có thể từ đây suy gẫm học tập theo người hiền, thấy kẻ bất chính liền trở về phản tỉnh lại chính mình. Thủy Kính Hồi Thiên Lục có thể chính là nguồn mạch tâm truyền của

sử bút Xuân Thu, ra đời vì liên quan đến sự tồn vong của thế giới. Lời tựa của Thủy Kính Hồi Thiên Lục, vừa mở đầu đã điểm rõ chủ đề chính:

靜觀三千大千世界，惡業瀰漫。國與國殺，造成世界戰爭；家與家殺，造成鄉里戰爭；人與人殺，造成彼此戰爭；自與自殺，造成心性戰爭。乃至空與空殺，水與水殺，造成有形無形等等戰爭。悲乎！痛哉！

Thanh tịnh tâm ý quán sát ba ngàn đại thiên thế giới, ác nghiệp đầy đầy. các nước giết hại lẫn nhau, tạo thành chiến tranh thế giới; nhà nhà giết hại lẫn nhau, tạo chiến tranh thôn làng; người người giết hại lẫn nhau, tạo thành chiến tranh giữa con người; tự mình xâu sát chính mình, tạo nên chiến tranh nội tâm. Cho đến hư không hủy diệt hư không; nước hủy diệt nước, tạo nên chiến tranh hữu hình và vô hình. Thật thảm thương thay! Thật thống khổ thay!

Trong đời ác năm trước, ác nghiệp đầy đầy như thế, Hòa Thượng “xây dựng giá trị tính mạng của con người trên quan điểm tôn trọng tất cả mạng sống, lấy việc riêng làm việc chung, giữ gìn tịnh giới, cống hiến bản thân làm lợi ích cho chúng sanh”. Tuy chúng sanh nghiệp chướng sâu nặng nhưng Hòa Thượng vẫn đối xử bình đẳng, Ngài nói: “Tôi đối với người tốt hay người xấu cũng đều giống nhau, tuyệt đối không có sự phân biệt; mong rằng người xấu nhìn thấy tôi cũng đều sửa đổi, làm mới lại chính mình quay về nẻo thiện. Mục tiêu của chúng ta là chuyển đổi những tập quán xấu, thương yêu bảo vệ con người, kính già yêu trẻ. Khiến cho đạo đức con người ngày một sâu dày, tạo thành một thế giới đại đồng”. Đây chính là xã hội lý tưởng của Hòa thượng Tuyên Hóa.

Lý tưởng như thế không dễ đạt được tí nào, giống như trăng trong nước, hoa trong gương, có thể trông mà không thể với tới. Nhưng từ nhiều năm trở lại đây Hòa Thượng Tuyên Hóa luôn tận tâm làm việc, âm thầm nỗ lực, cố gắng dùng “lòng từ bi rộng lớn phổ độ, đổ ra biết bao tâm huyết, không hề mệt mỏi” để làm nên hy vọng trong cái không có hy vọng, thành tựu cái không thể thành tựu. Tinh thần này thể hiện ngay việc Không Tử viết ra bộ Xuân Thu và Hòa Thượng Tuyên Hóa sáng tác Thủy Kính Hồi Thiên Lục. Việc làm này hàm chứa cả một tấm lòng trung trinh ái quốc, cứu dân độ thế, làm cho chánh khí tràn đầy trong trời đất, thực hành hạnh nguyện “biết không thể mà vẫn cứ làm”. Hy vọng người học đời sau có thể tiếp nối chí nguyện ghi lại những điều tâm huyết; vì muốn thực hiện một thế

giới đại đồng, một tịnh độ an vui mà cúc cung tận tụy, truyền lại mãi muôn đời. Được như vậy thì tuy nói không thể hy vọng mà vẫn có hy vọng; không có khả năng thành tựu mà vẫn có thể thành tựu.

Tổ Tiên Đầu Tiên Của Trung Hoa – HOÀNG ĐẾ

Năm 2698 ~2598 Trước Tây lịch



Vua họ Công Tôn, tên gọi là Hiên Viên. Hơn 4600 năm trước, được sinh ra ở đời Hiên Viên, xứ Hà Nam . Ban đầu vua làm thủ lĩnh của một bộ lạc, vừa luyện võ nghệ vừa chỉ dạy cho dân. Bấy giờ, Du Vãng - đời thứ 8 của triều đại Viêm Đế (Thần Nông) - không còn đủ sức giữ thiên hạ, các bộ lạc bắt đầu đánh chiếm nhau. Vì muốn cứu dân đen thoát cảnh tang thương, Huỳnh Đế đã đứng lên diệt Du Vãng và qui phục tất cả các bộ lạc. Ở phía Nam có Xi Vưu, thủ lĩnh bộ tộc Cửu Lê, kéo quân tiến đánh Hiên Viên. Cuộc chiến diễn ra kịch liệt, quân Xi Vưu bại trận và Xi Vưu bị giết. Các bộ lạc tôn Hiên Viên làm hoàng đế, lấy đức của đất mà làm vua thiên hạ, màu vàng của đất (huỳnh, hoàng) đặt tên, nên gọi là Hoàng Đế, dựng kinh đô ở đất Hữu

Hùng. Vua là một vị thủ lĩnh sáng suốt, chí công vô tư, với nền chính trị ổn định, văn hóa tiên bộ. Bấy giờ trên bộ có xe, dưới nước có thuyền bè, còn phát minh ra kim chỉ nam (la bàn) và cung tên v.v... Hoàng Hậu Luy Tổ còn biết nuôi tằm dệt vải. Tôì thần Thương Hiệt sáng tạo chữ viết, Đại Nạo phát minh phép tính “Thiên can Địa chi”, lập ra Giáp tử (lục thập hoa giáp). Hoàng Đế tại vị được 100 năm thì mất, an táng tại Kiều Sơn (núi Kiều). Người đời sau tôn Hoàng Đế là vị Thủy Tổ của Trung Hoa.

Khen rằng:

Hoàng đế Hiên Viên

Tổ tiên Trung Hoa

Hàng phục Xi Vưu

Tạo kim chỉ nam

Phát minh nông nghiệp

Nuôi tằm canh tác

Giáo hóa muôn dân

Tận tụy hết mình

Lại nói kệ rằng:

Trời sinh ra thánh hiền để dạy đời

Chuyện ăn chuyện mặc ngày thêm mới

Thần cơ toan tính trừ bạo ngược

Anh hùng chí lớn quét gian tà

Gào thét chiến trường rung trời đất

Cung tên nhắm thẳng phá quân ma.

Khéo vận ngũ hành sanh cùng khắc.

Ngôn ngữ trí tuệ chân cổ kim.

Giải thích:

Hoàng Đế là vị thủy tổ (ông tổ đầu tiên) của dân tộc Trung Hoa, là con của thủ lĩnh Thiểu Điển. Vua họ Công Tôn, tên gọi là Hiên Viên, ra đời tại đồi Hiên Viên, vùng Hà Nam cách nay hơn 4600 năm trước. Ngày xưa, thường dùng địa danh nơi sinh ra để đặt tên, nên vua có tên là Hiên Viên. Hiên Viên là một vĩ nhân đầu tiên trong lịch sử Trung Hoa, ngài đặt viên đá đầu tiên xây dựng nên nền văn minh của dân tộc Trung Hoa.

Tương truyền, tên của mẹ Hoàng Đế là Phụ Bảo, một hôm bà đi vào rừng ở đất Kỳ, thấy trên trời có ánh sét lóe chớp bao quanh sao Bắc Đẩu, từ đó cảm ứng mang thai, sau hai mươi bốn tháng sinh ra Hoàng Đế, lúc bà chuyển dạ trên trời hiện tượng mây lành.

Hoàng Đế sinh ra đã thông minh khác thường, tài trí vẹn toàn, chưa đầy 70 ngày đã biết nói. Lớn lên càng thông minh lanh lẹ, sáng suốt tài ba, chí công vô tư, có đủ thiên tư của một người lãnh đạo. Lúc còn ở độ tuổi thanh niên đã được chọn làm tù trưởng để chăm lo và điều khiển bộ tộc. Một mặt, Hoàng Đế luyện tập võ nghệ cho trai tráng, khiến cho ai cũng là tinh binh thiện chiến kiên dũng, có kinh nghiệm chiến đấu, gặp trận nhất định chiến thắng; một mặt Hoàng Đế dạy cho dân những lễ nghi đạo đức, khiến ai ai cũng biết đối với nhau lễ phép, giúp đỡ, yêu thương như anh em, mọi người cùng đoàn kết một lòng.

Thời ấy, dân tộc Trung Hoa sống rải rác khắp nơi thành nhiều bộ tộc. Trong đó có hai bộ tộc nổi tiếng nhất: đó là bộ tộc họ Khương nằm về phía Tây, đó là bộ tộc của dòng dõi Viêm Đế Thần Nông; một bộ tộc khác là bộ tộc họ Cơ nằm về phía Đông, chính là bộ tộc của Hoàng Đế. Bởi dòng dõi bộ tộc của Viêm Đế Thần Nông phát triển sớm hơn, thế lực cũng mạnh, nên từ trước đến giờ đều do bộ tộc

này thống lĩnh toàn bộ các bộ tộc khác. Đến thời Hiên Viên, con đời thứ tám của Viêm Đế (họ Thần Nông) là Du Vĩng không còn đủ sức thống lĩnh thiên hạ, những tộc trưởng của các bộ lạc vì tranh giành quyền lợi đã không ngừng gây chiến với nhau, muôn dân do đó phải chịu nhiều lầm than.

Hiên Viên vì muốn cứu vãn nhân dân khỏi ách lầm than, nên đã diệt Du Vĩng, các bộ lạc khác cũng lần lượt quy hàng. Bấy giờ Xi Vưu, thủ lĩnh của bộ tộc Cửu Lê nằm phía Nam lưu vực sông Trường Giang, thế lực hùng mạnh, tàn bạo bất nhân. Xi Vưu có dáng người mạnh khỏe, giỏi về chiến đấu, lại nhiều thần lực, có thể kêu mưa gọi gió, rải đậu thành binh, đến đâu thắng đó. Xi Vưu kéo binh đánh vào bộ tộc của Hiên Viên, cứ ngỡ có thể chiếm được đất Trung Nguyên của Hiên Viên. Huỳnh Đế đã cùng Xi Vưu giao chiến kịch liệt tại Trác Lộc. Xi Vưu bố trận sương mù bao vây làm Hiên Viên và quân lính không biết ngõ ra, khiến cho quân Hiên Viên không biết đâu là Đông, Tây, Nam, Bắc. Nhưng với tài trí thông minh của Hiên Viên đã nhanh chóng phát minh ra la-bàn và cung tên, xông ra đánh tan mê trận của Xi Vưu. Sau mấy lần giao tranh khốc liệt, cuối cùng Xi Vưu bị đánh bại, Nam Bắc từ đó được thống nhất, những tộc trưởng của các bộ lạc cùng cử Hiên Viên lên làm thủ lĩnh. Do vì Hiên Viên lấy đức của đất mà làm vua thiên hạ, đất hay sanh muôn vật, có lợi ích cho muôn dân, lại vì đất có màu sắc vàng nên được tôn xưng là Hoàng Đế, dựng kinh đô ở Hữu Hùng (tỉnh Hà Nam ngày nay).

Hoàng Đế là một vị vua anh minh, ban hành chính sách nhân từ, lập nên những quy tắc, điều lệ, tất cả đều theo một quỹ đạo chung, thống nhất được lưu vực sông Hoàng Hà, bản đồ đất nước dần dần mở rộng. Vua là người vì sự nghiệp lớn mà quên mình, có cách lãnh đạo, khiến cho chính trị ổn định, văn hóa tiến bộ lớn. Thời ấy, trên đường bộ có xe chạy, dưới nước có thuyền bè giao thông đi lại, sự kiện này so với thời điểm đó thì trước chưa từng có. Vua phát minh ra cung tên, dùng cho chiến đấu đánh thắng quân giặc, bảo vệ lãnh thổ. Trước thời Hoàng Đế, dân chúng chưa có đồ mặc, nhà ở, chánh phi của Hoàng Đế là Luy Tổ, tình cờ trong rừng dâu phát hiện kén của con tằm, vô ý kéo ra những sợi tơ dài, liền đem tơ tằm dệt thành vải, khâu thành áo quần, đây là bước đầu trang phục của Trung Hoa. Hoàng Đế còn dạy người dân làm nhà ở, làm mỏ mỏ, giải quyết những vấn đề ăn ở đi đứng cho người dân và cả việc tang chế cho người đã chết. Trăm họ được sống trong sự bình an, vui với nghề nghiệp, dân tộc Trung Hoa từ đó bắt đầu bước lên con đường văn minh, công lao của Hoàng Đế thật không thể lãng quên được.

Trong triều có quan Thương Hiệt (có bốn mắt), quan sát các hiện tượng trên trời và các địa hình của đất, xem kỹ các vết tích bay nhảy của cầm thú chim muông, linh cảm sáng tạo ra chữ tượng hình và ‘Lục thư’ (xem chú thích [1]) từ đó Trung Hoa bắt đầu có chữ viết. Trước thời gian đó, người ta chỉ biết dùng giấy kết bằng cỏ rồi đánh dấu cho một sự kiện, việc lớn kết làm mối lớn, việc nhỏ kết làm mối nhỏ. Bắt đầu từ đây mới dùng ký hiệu chữ để ghi chép.

Một vị quan khác tên là Đại Nạo, lại phát minh ra phương pháp dùng Thiên can Địa chi để tính tháng ngày, lập ra Giáp tử. 10 Thiên can gồm: giáp, ất, bính, đinh, mậu, kỷ, canh, tân, nhâm, quý; 12 Địa chi gồm: tý, sửu, dần, mão, thìn, tị, ngọ, mùi, thân, dậu, tuất, hợi. Lấy Thiên can phối hợp với Địa chi mà tính, 60 năm là hết một vòng chu kỳ, gọi là một Giáp tử (*Sexagenary Cycle or sixty-year cycle*). Dùng cách này để ghi sự xoay chuyển của tháng ngày thật là tiện lợi, cho đến hơn 4000 năm sau vẫn còn có người sử dụng cách tính toán ấy. Hoàng Đế còn sắc lệnh cho Linh Luân định ra Luật Lữ (tức là luật âm nhạc), Dung Thành tạo ra lịch pháp, Hoàng Đế còn đích thân tìm hiểu nghiên cứu y thuật với Kỳ Bá, nhà y thuật nổi tiếng thời ấy, từ đó mà có cuốn sách y học “Hoàng Đế Nội Kinh” ra đời. Từ đó chỉ dạy cho nhân dân, nước nhà càng thêm hưng thịnh, trăm họ thân cận, thiên hạ một lòng. Ân đức của Hoàng Đế thâm nhuần, đến nay đã ngót 5000 năm, con cháu dân tộc Trung Hoa vẫn còn nương nhờ đức ấy. Có thể tôn xưng là bậc thánh quân đầu tiên trong lịch sử Trung Hoa.

Hoàng Đế tại vị được 100 năm thì băng hà. Sau khi mất được an táng tại Kiêu Sơn, Thiểm Bắc (Nay thuộc huyện Hoàng Lăng, tỉnh Thiểm Tây), hiện còn lăng của Hoàng Đế làm chứng tích cho người sau tưởng nhớ. Mỗi năm vào tiết Thanh minh, ngày tảo mộ của dân tộc Trung Hoa, rất nhiều người đến lăng Hoàng Đế để cúng tế lễ bái, biểu hiện lòng thương tưởng không quên. Người đời sau tôn Hoàng Đế là tổ tiên đầu tiên của dân tộc Trung Hoa.

Khen rằng:

Hiên Viên Huỳnh Đế, Trung Hoa tổ kỹ: Hoàng Đế vốn có tên gọi là Hiên Viên, sau khi được cử làm vua, do đức của vua ví như đất, nên được tôn xưng là Hoàng Đế. Người đời sau tôn xưng là tổ tiên của dân tộc Trung Hoa và tự xưng là con cháu của Viêm Đế và Hoàng Đế.

Ao chiến Xi Vu, tạo chỉ nam khí: Vua cùng Xi Vu, thủ lĩnh của một bộ tộc phía Nam, giao chiến và bị vây trong ma trận sương mù, bèn dùng nguyên lý từ nam châm mà phát minh ra xe chỉ nam (la bàn), mà phá được ma trận của Xi Vu. Xi Vu bị giết, tứ hải quy thuận. Nên nói trong khắp bốn biển đều là anh em, tứ hải giai huynh đệ vậy. Người đời sau tự xưng mình là con cháu của Viêm, Hoàng, đều là cùng một nhà (đồng bào). La bàn là một trong ba phát minh lớn của Trung Hoa (trong đó gồm: la bàn, thuốc súng và in ấn), đáng tiếc là sau này không ai phát huy thêm, lại đem la bàn dùng sai vào việc xem hướng âm dương nhà cửa, công cụ xem phong thủy. Nhưng sau khi truyền đến Châu Âu, người Tây Phương biến thành dụng cụ định vị phương hướng hàng hải, nên ông Columbus nhờ đó mà tìm ra được vùng đất mới.

Phát minh nông nghiệp, dưỡng tâm canh địa: Trước thời Hoàng Đế, Trung Hoa còn là dân tộc du mục, ở rải rác khắp nơi, sống đời sống du mục nay đây mai đó không có chỗ ở nhất định. Sau khi Hoàng Đế lên làm tổng thủ lĩnh của các bộ tộc, bèn phát minh ra công cụ canh tác, dạy dân trồng trọt, thuận theo thời tiết bốn mùa mà trồng các loại cây trái ngũ cốc, bắt đầu có đời sống nông nghiệp làm ruộng, ăn thóc. Luy Tổ, chánh phi của Huỳnh Đế, còn dạy dân nuôi tầm dẹt vải. Nhờ đó mà dân có áo mặc, có cơm ăn, không còn lo lắng chuyện ăn mặc, sống đời an vui.

Giáo hóa đại hưng, bắt di dư lực: Hoàng Đế và chánh phi hai người tận tụy hết sức mình chỉ dạy cho nhân dân, con trai biết làm rẫy con gái biết dệt vải, làm cho mọi người đều có cơ hội tự nuôi sống bằng chính sức mình, nước nhà từ đó cũng được ổn định tiến bộ. Nên Khổng Tử (*chú thích*[\[2\]](#)) từng có lời khen Hoàng Đế rằng “Lao động cả tâm sức và tai, mắt”, lấy hành động phụng sự nước nhà, tạo phúc cho muôn dân, không từ lao nhọc, chưa từng biếng lười.

Lại nói kệ rằng:

Thiên sanh thánh giả giáo lê dân: Lê dân là chỉ cho nhân dân. Bậc thánh nhân giáng sinh xuống nhân gian mục đích là để chỉ giáo cho trăm họ biết tự lập và làm mới cuộc sống.

Âm thực y phục nhật nhật tân: Hoàng Đế và Luy Tổ ra sức canh tân, giúp cho trăm họ được sống trong điều kiện ngày càng tiến bộ trên phương diện nơi ăn chốn ở, y phục và phương tiện đi lại.

Thần cơ diệu toán bình địch khấu: Sự tính toán và mưu lược thần tốc của Hoàng Đế không thể bì kịp, nhờ đó mà bình định được quân Xi Vưu.

Hùng Tài đại lược tảo yêu phân: Trí tuệ của Hoàng Đế luôn cao hơn người khác một bậc, lại biết vận dụng mưu kế, cuối cùng đã trừ được những trò yêu ma quỷ quái

Phong lôi biến hóa kinh thiên địa: Hoàng Đế và Xi Vưu qua bao lần giao chiến, chiến đấu kịch liệt, những cảnh tượng khốc liệt của chiến trường khiến trời đất cũng rung chuyển, biến thành những trận cuồng phong sấm chớp.

Kim mộc giao tính phá ma quân: Kim là chỉ cho mũi tên, mộc chỉ cho cánh cung; vua chế tạo ra cung tên, đại phá ma trận của Xi Vưu

Vận chuyển ngũ hành sanh khắc lý: Vua biết vận dụng nguyên tắc tương khắc tương sinh của ngũ hành, sáng lập ra chân lý của âm dương tương phối. Ngũ hành, tức là năm tính chất của năm yếu tố Kim Mộc Thủy Hỏa Thổ. Sự tương sinh của Ngũ Hành gồm: Mộc sinh Hỏa, Hỏa sinh Thổ, Thổ sinh Kim, Kim sinh Thủy, Thủy lại sinh Mộc. Ngũ hành cũng có thể tương khắc: Mộc khắc Thổ, Thổ khắc Thủy, Thủy khắc Hỏa, Hỏa khắc Kim, Kim lại khắc Mộc. Tương sinh có tính dương, tương khắc có tính âm, biến hóa vô cùng.

Văn tự bát nhã chấn cổ kim: Thương Hiệt, vị quan dưới triều Hoàng Đế, sáng tạo ra chữ viết. Trí tuệ ấy của người xưa chấn động cổ kim. Đặc biệt sau việc khai quật loại chữ viết “giáp cốt” (chữ viết khắc trên mai rùa)[3] thời nhà Ân, người nước ngoài đối với trí tuệ của người Trung Hoa đều phải hết sức thán phục, tự nhận rằng không thể theo kịp.

Hòa Thượng Tuyên Hóa giảng vào ngày 30 tháng 10 năm 1987

[1] Lục thư: Gồm có – Tượng hình, Chỉ sự, Hội ý, Hình thanh, Chuyển chú, Giả tá

[2] Xem “Thủy Kính Hồi Thiên Lục” (1) do Tổng Hội Phật Giáo Pháp Giới DRBA/BTTS xuất bản - trang 199, mục Chí Thánh Tiên Sư

[3] Về chữ viết “giáp cốt”, có thể tham khảo thêm ở trang <http://wenhua.eco.gov.cn/uploads/allimg/c090703/124Aa92HP-56308.jpg>

Nhường Ngôi Người Hiền – VUA NGHIÊU



Vua họ Y Kỳ, tên Phóng Huân, con thứ của Đế Khốc, em trai Đế Chí. Đế Chí làm vua được 8 năm thì bị chư hầu phế ngôi và đưa Nghiêu lên làm vua lúc còn 16 tuổi. Vua Nghiêu dựng kinh đô tại Bình Dương (Lâm Phần - Sơn Tây) đặt hiệu nước là Đường. Trong lúc làm vua, Nghiêu lấy lòng nhân cai trị đất nước, phát triển về mặt chính trị ban phát lòng nhân từ, quan tâm đến

trăm họ, cứu giúp những người neo đơn cô quả. Nhờ đó mà thiên hạ hưởng được sự thái bình, trăm họ được an cư lạc nghiệp, ăn no mặc ấm. Những năm cuối đời, nhiều thiên tai nạn nước, vua sai Cỗn tìm cách đối phó với nạn hồng thủy, nhưng trong chín năm Cỗn không làm được gì. Vua cho Vũ thay Cỗn nhận nhiệm vụ trị thủy, sau 13 năm mới hoàn thành công việc. Do con là Đan Chu bắt tài, vua Nghiêu đã đi khắp nơi tìm người hiền tài về giúp việc nước. Có tích Sào Phụ rửa tai, Hứa Do dắt trâu tránh đi nơi khác. Vua đã gặp và thăm Thuấn khi Thuấn đang làm việc giữa đồng và mời Thuấn về giúp việc nước. Nghiêu làm vua được 100 năm, sau nhường ngôi lại cho Thuấn. Giao ngôi báu cho người hiền tài, xem thiên hạ là việc chung, cùng xây dựng một thế giới đại đồng.

Khen rằng:

Chọn người hiền năng, Thông minh tuyệt đối

Trí ấy như thần, Đức trị vẹn toàn

Tính đầy nhân từ, Lòng không phân biệt

Chân thành vì nước, Cối bèo nhường ngôi .

Lại nói kệ rằng:

Đại nhân đại trí đại từ bi

Đức xứng đất trời vạn người về

Giữa đêm giạt mình lo chuyện nước

Kính lễ người hiền tìm chí chân

Quên mình vì lợi của trăm họ

Lo lắng bày phương cứu muôn dân

Lớn thay vua Nghiêu đời thanh thân

Tài trí thông minh xứng thánh nhân.

Giảng giải:

Bây giờ giảng đến vua Nghiêu. Trí tuệ của vua Nghiêu là tuyệt vời nhất, nên người xưa nói: “Tào Tháo gian như quỷ - Vua Nghiêu trí như thần.”. Vua Nghiêu là một người thông minh và trí tuệ nhất trong lịch sử các vị hoàng đế của Trung Hoa xưa nay, có thể nói là ‘thông minh tuyệt đối’.

Vua Nghiêu họ Y Kỳ, tên là Phóng Huân, tên của vua Nghiêu có ghi trong Nghiêu Điển (*Nghiêu Điển: là một chương trong sách ‘Thượng Thư’ 《尚书》 bộ sách ghi chép về các đời vua thời thượng cổ của Trung Hoa – Người dịch chú*). Chữ ‘Phóng’ có nghĩa là không ràng buộc, ‘Huân’ có ý chỉ đến những công lao của vua, những sự nghiệp do vua gây dựng, sự nghiệp ấy rộng lớn vô cùng không thể hình dung được, không cách nào biểu hiện cho hết do đó nên gọi là ‘Phóng Huân’. Nghiêu là con trai thứ của Đế Khốc, em trai Đế Chí. Do Đế Chí lúc làm vua, yếu đuối bạc nhược, không khéo lo việc nước, không thực hiện đúng những ước lệnh nên khiến chư hầu bất mãn. Thời ấy cũng rất dân chủ, thế nên khi mọi người đã bàn bạc thỏa thuận xong liền phế bỏ ngôi vị của Đế Chí, không cho làm vua nữa.

Không dùng Đế Chí làm vua thế phải chọn ai? Nếu chọn người nào khác cũng không đủ trình độ và kinh nghiệm, nên các nước chư hầu đã cùng bàn bạc và quyết định ủng hộ cho Nghiêu lên làm hoàng đế, bấy giờ Nghiêu chỉ đang 16 tuổi. Tuy Nghiêu tuổi còn rất nhỏ nhưng rất biết hành xử trước mọi việc, xứng đáng là một minh quân. Sau khi làm hoàng đế, Nghiêu bắt đầu phát huy mặt chính sự, ban phát nhân đức cho muôn dân, lấy nhân từ trị nước. Trong nước vua Nghiêu thời bấy giờ, người già có nơi an dưỡng, tuổi trẻ có chỗ phát huy tài năng, trẻ con được nuôi nấng trong điều kiện tốt, người cô quả tàn tật cũng được quan tâm chăm sóc. Nhờ vậy mà thiên hạ được thái bình, gặt của rơi không nhặt, đêm không cài cửa, đao thương vút vào kho, ngựa ăn cỏ núi nam (ngựa chiến được tự do ăn cỏ ở phía nam núi Hoa -- “mã phóng nam san”), khắp nơi hưởng cảnh thái bình thịnh trị.

Vua Nghiêu là người nhìn xa thấy rộng, luôn nghĩ đến cái khổ cái vui trong đời sống của trăm họ, quan tâm lo lắng mọi việc cho nhân dân. Những năm cuối đời làm vua, cũng là lúc vua Nghiêu tuổi già sức yếu, đất nước gặp phải nhiều nạn lũ lụt. Nạn hồng thủy (lũ lụt) là một trong bốn giai đoạn tất yếu ‘Thành, Trụ, Hoại, Không’, do đó thế giới thường phải chịu ách nạn này. Tai nạn cũng là một cách để trị liệu (trùng trị) những căn bệnh tâm của con người, căn bệnh tham-sân-si của con người càng nhiều thì thiên tai ách nạn càng nhiều. Đây cũng là một hình thức nhân quả, báo ứng xoay vần. Vật cực tất phản, bỉ cực thái lai (*Sự vật phát triển đến cực điểm thì sẽ chuyển hóa theo hướng ngược lại. Khi bế tắc cùng cực thì sẽ có sự may mắn, thuận lợi đến*).

Vua Nghiêu thuận đạo trời trị nước thương dân, hy vọng trừ được những ách nạn này để không còn phá hoại cuộc sống dân lành. Nhưng bấy giờ nạn hồng thủy, nạn thú dữ vẫn cứ hoành hành, nước lũ khắp nơi, chìm ngập cả đất liền của nước Trung Hoa thời ấy; vì vậy mà các loài thủy tộc rắn rồng côn trùng đua nhau theo dòng nước lên chiếm cứ chỗ ở của con người. Nhân dân không còn nơi nương náu, những vùng thấp thì người ta phải lên cây làm tổ mà ở, những vùng đất cao thì người ta phải đào hang mà sống, thế nhưng đây vẫn không phải là biện pháp lâu dài.

Do vì loài thú dữ hung hăng khắp nơi ăn thịt dân lành, nước lũ thì không ngừng nhận chìm mạng sống con người, nên vua Nghiêu ra lệnh sai Cỗn đi trị thủy. Cỗn là một viên quan đại thần của vua Nghiêu, người rất thông minh, và trí tuệ hơn người. Nhưng Cỗn lại biếng lười, không chịu nghĩ ra cách để đoạn trừ nạn hồng thủy, mà chỉ qua loa, tắc trách trong công việc. Nên Cỗn đã không dùng phương pháp khai thông, dẫn nước mà dùng cách ngăn chặn nước. Phương pháp ngăn chặn nước chỉ tác dụng nhất thời, không thể có hiệu quả lâu dài. Thế nên sau 9 năm công việc trị thủy của Cỗn không có kết quả và công lao nào cả. Ngăn bên này nước tràn nơi kia, ngăn nơi kia, nước lại ngập nơi này, công việc chẳng đâu vào đâu cả. Do việc trị thủy của Cỗn không đem lại hiệu quả, người chết chìm thêm nhiều, lại tốn hao tiền của đất nước, vua Nghiêu ra lệnh đem Cỗn ra xử chém. Sau khi xử chém Cỗn, vua Nghiêu tiếp tục dùng con của Cỗn là Vũ thay cha lập công chuộc tội.

Đại Vũ lo việc trị thủy rất chăm chỉ, thậm chí quên ăn bỏ ngủ vì mãi chuyên tâm lo công việc. Bởi thấy cha làm việc không hiệu quả đã bị chém đầu, vì muốn thay

cha chuộc tội nên Vũ đã quên hết tất cả. Lúc Vũ mãi lo chuyện trị thủy, ở nhà còn có vợ, có con dại. Đứa bé này tên Khải, lúc mới chào đời thường hay khóc – ‘Khải oa oa khóc’. Vũ vương thì cứ mãi để hết tâm ý lo công việc trị thủy của mình đến nỗi ‘Ba lần đi ngang qua nhà mà không ghé vào’ – Đi qua trước cửa nhà ba lần cũng không đi vào thăm xem trong nhà mình thế nào, dù có nghe đứa con thơ đang oa oa khóc trong nhà Vũ vẫn không màng đến.

Từ điểm này, chúng ta thử đặt mình vào vị trí như thế mà nghĩ mới có thể thấy được, Vũ lo việc trị thủy, hoàn toàn dốc hết tâm trí vào công việc mà thôi, ngoài chuyện ấy ra không để ý gì khác. Chúng ta thử nghĩ, Vũ nghe tiếng khóc của đứa con mới chào đời của mình mà cũng không ghé vào xem. Do đó, chúng ta có thể biết rằng Vũ vương không hề lơ là, lười biếng, tắc trách công việc như cha của mình. Vũ đã thật lòng muốn thay cha mà chuộc tội, nên mang tội lập công. Vũ trị thủy suốt 13 năm mới hoàn thành công việc. Về sau, nhân dân không còn chịu nạn lũ lụt, những loài thú dữ cũng bị đuổi hết vào rừng sâu.

Vua Nghiêu quan tâm đến việc lớn của đất nước, nên đã tìm đến những người hiền tài để mời họ ra kế thừa ngôi vua. Đầu tiên vua Nghiêu đến gặp Sào Phụ đang ở trên cây, nơi ở của Sào Phụ vốn không phải là nhà, chỉ là cái tổ trên cây như tổ chim nên gọi ông là Sào Ph ụ. Tên thật của Sào Phụ là gì cũng không ai biết, chỉ biết Sào Phụ là biệt hiệu mà người ta đặt cho ông. Sào Phụ sống trong một cái tổ trên cây, ngoài ra không cần thêm một vật gì khác. Vua Nghiêu thấy thế, nghĩ rằng người này thật chẳng có lòng tham lam gì, người trong sạch giữ mình như thế, sống trên cây không hề quan tâm chuyện hưởng thụ những thú vui của thế gian, nếu người này mà làm vua chắc chắn sẽ biết lo lắng dân. Thế rồi vua Nghiêu đến bên Sào Phụ cùng thương lượng với ông, mời Sào Phụ ra làm vua. Tư tưởng này của vua Nghiêu có thể nói không ai sánh được, không có hoàng đế nào mang thân phận hoàng đế mà đi thăm hỏi người hiền đức, tự mình nhường ngôi cho người khác làm vua, đây chính là chỗ mà người thường không sánh kịp.

Nhưng Sào Phụ khi nghe vua Nghiêu nói như thế liền nghĩ mình bị xúc phạm. Người không tham lam như Sào Phụ, vua Nghiêu lại mang ngôi vua để mê hoặc ông ta! Thế rồi buồn bã không vui, ông trả lời vua Nghiêu rằng: “Ông đi tìm người khác đi, tôi không làm vua đâu”. Thế rồi chạy ra sông rửa lỗ tai, nghĩ rằng nghe những điều danh lợi như thế đã làm bẩn lỗ tai. Bấy giờ, bạn thân của Sào Phụ là Hứa Do cũng đang dắt trâu ra sông cho uống nước. Hứa Do đến bên hỏi: “Này, anh

Sào! Làm gì phải rửa tai thế? Tai anh bị gì à?” Sào Phụ trả lời: “Vừa rồi vua Nghiêu thật là vô duyên vô cớ, tôi đang ngủ trên cây thì ông ta lại tìm. Và, thật đáng ghét, ông ấy nói là nhường thiên hạ cho tôi. Tôi nghe xong cảm thấy bản hết cả lỗ tai, nên liền chạy ra rửa.” Hứa Do nói: “Ồ, lỗ tai anh bản, lấy nước sông để rửa, nước này cũng bản theo rồi, trâu tôi cũng không thể uống nước này!” Nói rồi liền dắt trâu lên thượng nguồn cho trâu uống nước.

Tư tưởng của người xưa là không tranh, không tham, không cầu, không ích kỷ, không tự lợi, không dối gian như thế. Ngày nay chúng ta nghe được điều này chắc sẽ nghĩ rằng “Ôi, hai ông này thật là ngu quá sức!” Thực ra, hai vị đó mới thật là người đại trí tuệ, chẳng qua vì chúng ta quá ngu si nên không nhận ra được cái trí huệ của người ta thôi. Câu chuyện này hình dung cho chúng ta thấy, người xưa ngay cả ngai vàng còn bỏ huống gì những thứ vật dụng ngoài thân mình.

Sau đó, ý tưởng nhường ngôi cho người khác cứ luẩn quẩn trong suy nghĩ của vua Nghiêu, thế rồi vua tìm đến gặp Thuấn ở một miền quê hoang dã, từ nơi miền quê hoang dã ấy vua đã mời Thuấn về giúp việc triều chính cho mình, phong cho Thuấn làm tể tướng. Một mặt vua chỉ cho Thuấn làm sao để dùng lòng nhân từ trị vì đất nước, một mặt vua và Thuấn cùng nhau học hỏi. Đợi đến khi thấy Thuấn có thể nhận lãnh được thiên hạ rồi, vua Nghiêu quyết định nhường ngôi cho Đại Thuấn khi mình còn sống.

Vua Nghiêu làm hoàng đế được 100 năm, làm vua chỉ vì một việc là lo cho thiên hạ, do đó chọn người hiền tài, tin cậy và hòa hợp, xây dựng một thế giới đại đồng, đề xướng thiên hạ là việc chung, khiến cho trăm họ an vui, ăn no mặc ấm, không có cái đau khổ của đói khát. Trong các hoàng đế của Trung Hoa, vua Nghiêu được xem là vị hoàng đế đức độ nhất.

Nên nói:

Tuyển hiền dũ năng, thông minh tuyệt đối: Vua Nghiêu chọn người hiền đức và người có tài năng; sự thông minh của vua không ai bằng được. “Tuyệt đối” chính là không ai để có thể so sánh với vua.

Kỳ trí như thần, đức chánh quang bị: Trí tuệ của vua như thần, không hề làm chuyện xằng bậy, không hề làm chuyện không đúng pháp. Những việc chính sự

(chính trị, việc nước) đều có lòng nhân đức đối với nhân dân, có công lao với đời, có lợi ích cho đất nước.

Tánh cụ nhân từ, hữu giáo vô loại: Vua Nghiêu bản tính rất nhân từ, không có thù địch với ai, đối với bất cứ ai cũng dùng lòng nhân từ mà đối đãi như nhau, bình đẳng như nhau.

Chân chánh vị quốc, thoát bào nhượng vị: Vua Nghiêu đúng là vì dân vì nước mà mưu cầu hạnh phúc, nhường ngôi báu cho người hiền tài, nên nói: “Đời Đường và đời Ngu có hai vị xưng hiệu Hoàng đế, cùng nhường ngôi cho nhau, xây dựng đời thái bình thịnh trị.” Đây chính là một thời thịnh trị thái bình thiên hạ là chung.

Lại nói kệ rằng:

Đại nhân đại trí đại từ bi: Vua Nghiêu có trí tuệ rộng lớn, lòng nhân từ rộng lớn.

Đức phối thiên địa chúng vọng quy: Đạo đức của vua xứng ngang với trời, chúng dân đều mong thuận theo.

Túc hưng dạ mị mưu hạnh phúc: Vua thức khuya dậy sớm vì lo lắng sự thái bình của đất nước, sự ấm no của nhân dân.

Lễ hiền hạ sĩ cầu chí chân: Vua biết lễ kính người hiền hạ mình trước kẻ sĩ để mong tìm được người thật tốt, hiền tài và có đức, thật lòng vì đất nước.

Lao tâm vong ngã lợi vạn vật: Vua hết lòng, hết mình vì sự hạnh phúc của trăm họ mà quên cả sự mệt nhọc của riêng mình.

Thôi kỹ cập nhân cứu chung dân: Vua biết đặt mình vào vị trí của dân, để tìm cách giúp họ hết khổ.

Vĩ tai đế Nghiêu thản đấng đấng: Vua Nghiêu là một vị hoàng đế chí công vô tư, hành động ngay thẳng, là một người rộng rãi thẳng thắn.

Khâm minh văn tư thánh trung khôi: Vua Nghiêu là người minh, bạch chân chánh; học vấn và tư tưởng của ngài là tấm gương sáng cho chúng ta. Ngài đúng là một bậc thánh nhân vĩ đại.

Hòa Thượng Tuyên Hóa giảng vào ngày 14 tháng 10 năm 1987



Lòng Hiếu Cảm Động Trời --- Vua Thuấn của triều nhà đại nhà Ngu (Ngu Thuấn)

Năm 2255 ~ 2208 trước Tây Lịch



Vua họ Diêu, tên là Trọng Hoa, người Ký Châu thời thượng cổ, con mắt có hai con ngươi (đồng tử), lòng hiếu thảo của vua cảm động cả trời đất. Vua

từng được voi giúp xới đất, chim đến giúp nhổ cỏ. Cha là Cỗ Tẩu tính ương ngạnh; mẹ kế lòng dạ điêu ngoa; em trai tên Tượng tính tình ngạo mạn. Tuy phải chịu nạn bị lửa thiêu, bị chôn vùi đáy giếng, nhưng Thuấn vẫn một lòng hiếu thảo. Đến năm 30 tuổi, Đường Nghiêu nghe tiếng hiền đức của Thuấn, bèn đem hai con gái của mình (Nga Hoàng và Nữ Anh) gả cho làm vợ Thuấn, còn sai chín người con trai theo hầu cận, để học đức hạnh của Thuấn. Người dân trong vùng, nghe tiếng tốt của Thuấn mà tự cảm hóa, năm đầu người kéo nhau về thành một tụ lạc, năm thứ hai người đông thành thị trấn, đến năm thứ ba thì nơi ấy đông đúc như phố thị. Sau 30 năm giúp vua lo việc chính sự, Thuấn được vua Nghiêu nhường ngôi. Chính sách trị nước rõ ràng, con trai làm nương rẫy, con gái ở nhà dệt vải. Có câu rằng: “Ngày đi làm, đêm về nghỉ, đào giếng lấy nước uống, cày ruộng lấy gạo ăn, sức vua sao bằng chính tự sức tay ta làm”. Người dân không tham lam, đối với nhau biết nhường nhịn lễ độ. Nên cảm ứng : “Năm ngày một cơn gió đến, mười ngày một trận mưa rào; gió nhẹ không lay cây, mưa rào không phá đất”(ý nói gió mưa thuận hòa). Vua băng hà tại Thương Ngô, làm vua được 49 năm, sau nhường ngôi cho Vũ, hưởng thọ 110 tuổi.

Khen rằng:

Mỹ đại thánh thần

Nhân nhượng tư văn

Hiệu khắp hạo thiên

Khuất kỹ dãi nhân

Tượng điều phục lao

Phủ ngũ huyền cầm

Xương Nam Phong ca

Giải uân ngô dân.

Lại nói kệ rằng:

Thiên sanh đại thánh huýnh bất đồng

Xuất loại bạt tụy chúng trung long

Lạc thủ dữ nhân dĩ vi thiện

Kính thận luật kỷ hóa quân luân

Tự canh gia đào giai như thử

Học lễ thư số tận tinh thông

Vô vi nhi trị bình thiên hạ

Chí đức cảm vật tánh duẩn công.

(Xin xem đại ý hai bài thơ qua lời Giảng Giải của Hòa Thượng ở phần cuối bài)

Vua Nghiêu, vua Thuấn là hai bậc thánh quân thời thượng cổ của Trung Hoa. Vua Nghiêu gọi là Đào Đường Thị, vua Thuấn gọi là Hữu Ngu Thị. Vua Ngu Thuấn họ Diêu, tên là Trọng Hoa là người Ký Châu thời thượng cổ của đất Sơn Tây. Vua sinh ra đã có tướng mạo đặc biệt, mỗi con mắt có hai con ngươi (đồng tử); Sở Bá Vương cũng có đôi mắt giống như vậy. Thuấn rất hiếu thảo với cha mẹ, lòng hiếu thảo ấy làm cảm động đến trời xanh, khi Thuấn cày ruộng ở Lịch Sơn, từng cảm hóa được loài voi đến xới đất dùm, chim chóc bay về giúp nhổ cỏ.

Hoàn cảnh gia đình của Ngu Thuấn thật phức tạp. Cha tên là Cổ Tâu, tuy có mắt mà không biết chuyện, không biết phân biệt trắng đen phải quấy, xử lý công việc thì ương ngạnh tự tung tự tác, ngoan cố không chịu nghe điều lẽ phải. Chữ ‘ngoan cố’ có nghĩa là đầu óc cổ hủ, đầu óc khur khur không biết lắng nghe. Ông ấy ngoan cố thế nào? Ví dụ, ông ta cầm một thỏi đồng, quý vị cầm một thỏi vàng, quý vị đem thỏi vàng đến đổi với ông ta, ông ta không chịu đổi. Vì sao lại không đổi? Ông ta

nghi, thời đồng của tôi đáng giá hơn, quý hơn thời vàng của anh. Quý vị có nói với ông ấy rằng: “Đây là vàng, quý giá hơn đồng rất nhiều.” Có như vậy ông ta cũng không chịu tin, đây chính là ‘ngoan cố’, khư khư cứ cho mình là đúng.

Mẹ kế của Thuấn là một người điêu ngoa. ‘Ngân’ (𠂔) có nghĩa là không giữ lễ lối, cũng là chỉ cho lời nói không thật thà, không thành khẩn, chỉ thích dối gạt, thường ưa nói dối, gây chuyện thị phi. Người mẹ kế này có đứa con trai tên là Tượng. Đứa em trai này không phải em cùng cha với Thuấn, là đứa con riêng của mẹ kế mang về. Do đó, Tượng không có mối liên hệ tình thân gì với Thuấn. Nhưng Thuấn vẫn nhận Tượng xem như em trai, đứa em trai này tính tình rất ngạo mạn.

Lúc Thuấn chưa làm vua, từng chịu nhiều khổ cực. Những nỗi khổ này do ai mang lại cho Thuấn? Đó chính là người cha. Cha của Thuấn vì sao lại đem đến cho con mình nhiều nỗi khổ sở như thế? Bởi vì Cổ Tẩu thương Tượng, đứa con của người vợ kế. Vì thế mà bọn họ ba người, thường rất tâm làm hại Thuấn. Thế nhưng, lần nào gặp nạn Thuấn cũng đều được bình an, tránh được ách nạn. Cũng như Thuấn có chút lỗi lầm nhỏ nhoi nào, thì cả ba cùng hành hạ Thuấn; thế nhưng Thuấn vẫn một lòng rất hiếu thuận với cha và người mẹ kế, yêu thương em trai. Hằng ngày Thuấn đều siêng năng cần mẫn làm việc, không dám biếng lười, không hề có chút sai trái trong đạo làm con và tình cảm anh em, nên đến năm hai mươi tuổi, khắp nơi đều nghe danh lòng hiếu thảo của Thuấn.

Năm Thuấn ba mươi tuổi, vua Nghiêu bảy mươi tuổi cũng đã già, nghe được tiếng đồn về đức hạnh của Thuấn, lại thêm được chư hầu khắp nơi tiến cử, vua Nghiêu bèn đồng ý cho Thuấn giúp vua xử lý việc triều chính. Vua Nghiêu đem hai con gái của mình (Nga Hoàng và Nữ Anh) gả cho Thuấn làm vợ, cũng là để tiện theo dõi đức độ trong gia đình của Thuấn. Kinh Dịch có câu “Nhị nữ đồng cư nhi kỳ chí bất đồng” (*Hai người phụ nữ ở cùng một nhà nhưng không cùng một chí hướng*). Ở đây ý nói, hai người vợ cùng ở một nhà nhưng khó mà hòa hợp với nhau. Vua Nghiêu sở dĩ cố tình làm thế, không ngoài việc muốn thử xem Thuấn có tài ‘Tề gia’ (*xử lý chuyện trong gia đình*) hay không, để xử lý tốt đẹp mối quan hệ giữa hai người vợ. Kết quả là cả hai đều biết tỏ ra cung kính và chăm chỉ lo lắng việc nhà, không dám lấy danh phận là con gái vua mà khinh rẻ họ hàng của Thuấn, cả hai đều rất có đức của một người nữ. Vua Nghiêu còn sai chín người con trai đến bái Thuấn làm thầy để học những đạo đức và tư tưởng của Thuấn, kết quả là chín người con này ngày càng nhân hậu lễ phép.

Vua Nghiêu từng ban cho Thuấn một tấm Hy Y (*loại áo được may từ vải dệt bằng cây Cát*) và cây đàn Ngũ huyền (Ngũ huyền cầm: một loại đàn năm dây), rồi còn xây cho một kho thóc, ban thêm cả trâu dê. Thế nhưng, ba người của Cổ Tẩu vẫn muốn giết Thuấn. Có một dịp họ kêu Thuấn đi sửa kho thóc, đợi Thuấn leo lên đỉnh kho, Tượng liền len lén đem dầu cái thang, Cổ Tẩu thì ở dưới đốt lửa thiêu hủy kho thóc. Họ cứ nghĩ sẽ đốt sống được Thuấn. Nhưng nhờ Thuấn giữ trọn lòng hiếu đạo, nên có căn lành lớn, dù không có thần thông, nhưng cũng rất thông minh. Lúc leo lên đỉnh nhà kho để sửa, Thuấn mang theo bên mình hai cái nón lá (*Loại nón lá có chóp thời xưa của Trung Hoa*), lẽ ra đội một cái trên đầu cũng đủ rồi. Nhưng Thuấn định là nếu rơi cái này, thì còn cái kia để đội. Lúc Thuấn thấy lửa bốc cháy từ bên dưới kho thóc, lập tức hai tay cầm hai cái nón, giống như dang hai cánh, từ trên đỉnh kho thóc nhảy vọt xuống đất giống như nhảy dù, an toàn không hề bị thương tích gì cả. Rồi Thuấn chạy về nhà gõ cửa, làm cho người cha, mẹ kể và Tượng đứng nhìn chết trân, họ ngạc nhiên: “Không phải hấn bị lửa thiêu rồi sao? Đây có phải hồn nó về không!” Thuấn trả lời: “Con không phải là ma đâu, cả nhà đừng sợ.” Thế rồi họ đành phải mở cửa cho Thuấn vào nhà.

Cho vào nhà rồi nhưng vẫn mang tâm giết hại Thuấn. Giết thế nào đây? Bọn họ lại bàn với nhau, dùng lửa thiêu không chết, thì dùng nước dìm nó chết! Bấy giờ, do trong nhà không có đủ nước dìm, liền gọi Thuấn xuống vét giếng. Nghe theo lời cha, Thuấn leo xuống vét giếng, dưới giếng có nhiều bùn, phải móc bùn lên thì mới có nước. Thuấn vừa leo xuống giếng, người cha bấy giờ thế nào đây? Người Quảng Đông có câu nói: “Lạc tinh hạ thạch” (*Ý nói: Thấy người bị nạn đã không cứu còn cố tìm cách hại*), người cha đứng trên liền thả xuống một tảng đá lớn, cứ nghĩ tảng đá to này nhất định sẽ đè Thuấn chết. Ai ngờ được rằng, Thuấn là người có thiên tướng, phúc mạng lớn, nên cũng có chư thần theo hộ vệ. Trong giếng đó có một con rồng, con rồng này khi thấy tảng đá lớn từ trên rơi xuống liền lấy vuốt rồng chụp lại, rồi dùng đuôi của nó khoét một cái hang bên cạnh đáy giếng. Thuấn thấy được cái hang này liền theo đường hang đó mà thoát ra ngoài, thế là Thuấn không bị đá đè chết.

Sau khi ba người bọn họ quẳng đá xuống giếng, lại dùng một tảng đá đập kín bên trên miệng giếng, cho rằng lần này thì Thuấn nhất định sẽ chết không thể thoát được. Thế là họ mở ngay cuộc họp gia đình để phân chia tài sản của Thuấn. Tượng nói với bố mẹ rằng: “Lần này lập mưu sát hại Thuấn đều là công lao của con, bây giờ trâu dê, kho đụn đều dành cho bố mẹ, mọi thứ tài sản của Thuấn đều dành cho

bố mẹ, con không cần những thứ ấy. Thứ con cần là gì? Con chỉ cần mấy thứ binh khí, cây đàn Ngũ huyền, cây cung có điêu khắc và cả hai người vợ của Thuấn đều thuộc về con”. Cổ Tẩu nói: “Được, được! Con muốn gì thì cho thứ ấy.”

Đang khi Tượng đang hí hửng chạy đến nhà của người anh để tiếp nhận hai người chị dâu, hắn vừa bước vào nhà thì thấy Thuấn vẫn bình yên ngồi trên giường gảy đàn! Ông Đại Thuấn lúc này, chẳng hề có chút giận hờn, chẳng có chút gì sân hận, Thuấn không hề nóng giận lên mà nói: “Mấy người trước lấy lửa đốt tôi, rồi đợi tôi xuống giếng còn ném đá lấp giếng lại. A! Muốn hại chết tôi sao.” Thuấn vẫn thế, với vẻ mặt đầy hoan hỷ, thấy em trai đến, còn rất nồng hậu đón tiếp em và ôn tồn hỏi: “Em tìm anh có việc gì không?” Tượng rất lúng túng, tiến thoái lưỡng nan, nói: “Em cảm thấy buồn và bức rức, vì nghĩ đến chuyện đã xảy ra đối với anh.” Thực sự thì trong lòng hắn đang muốn chiếm hữu hai người chị dâu về làm vợ của hắn.

Thuấn có tính rất nhân từ và hiếu thảo, cảm động trời đất; thờ nhỏ thân phận thấp hèn, Thuấn từng phải làm qua nhiều công việc. Khi Thuấn đến làm ruộng ở Lịch Sơn, dân chúng ở Lịch Sơn đều nhường đất cho Thuấn, khi Thuấn bắt cá ở Lôi Trạch, dân chúng ở Lôi Trạch đều nhường Thuấn chỗ bắt cá; lúc Thuấn nắn đò góm bên sông Hà Tân, góm Hà Tân rất đẹp. Trước thời Khổng Tử, Thuấn được xem là người uyên bác, nhiều tài năng nhất, nơi nào Thuấn đến, người dân đều nghe tiếng tốt của Thuấn mà được cảm hóa, lũ lượt kéo nhau về cùng ở cùng một chỗ, nên trong vòng một năm nơi ấy đã thành một tụ lạc, sau hai năm trở thành một thị trấn, sau ba năm thì biến thành một khu đô thị đông đúc. Lắm lần vua Nghiêu giao cho Thuấn nhiều trọng trách để thử tài năng của Thuấn, Thuấn đều hoàn thành tốt công việc không chút sai sót, đủ thấy rằng Thuấn là một người uyên bác có nhiều năng lực.

Vua Nghiêu lại sai Thuấn đến một vùng hiểm địa sông núi hoang sơ, kết quả Thuấn không hề bị lạc lối trong trận mưa sa gió táp ở núi sâu rừng hiểm, mà còn trở về trong sự bình an. Vua Nghiêu nhận ra được rằng, đức hạnh và tài năng của Thuấn đã đủ để vua truyền giao ngôi vị, nên sau 30 năm Thuấn giúp vua lo việc nước, vua Nghiêu đã đem ngôi vị Thiên tử nhường lại cho Thuấn. ‘Thiền’ (禪) là một nghi lễ tế cáo trời đất, trong buổi lễ này vua Nghiêu đã công cáo đề bạt với trời, thần rằng Thuấn sẽ là người kế vị, có quyền nắm giữ sắc lệnh của thiên tử. Tấm lòng chí công vô tư của vua Nghiêu, truyền ngôi cho người hiền mà không

truyền cho con, đã khai sáng nên một nền chính trị “Nhường vị” của Trung Hoa từng được xưng tụng trong mấy ngàn năm qua.

Vua Nghiêu nhường ngôi cho vua Thuấn, chính sách trị nước của vua Thuấn rất rõ ràng, chưa từng làm khó cho dân, người nam làm ruộng rẫy người nữ dệt vải, muôn dân sống trong cảnh thái bình an cư lạc nghiệp, thế nhưng họ không hề biết vua Thuấn đối với họ thật sự tốt ở điểm nào. Có câu “Ngày đi làm, đêm về nghỉ, đào giếng lấy nước uống, cày ruộng lấy gạo ăn, sức vua sao bằng chính tự sức tay ta làm.” Là ý nói rằng, mặt trời lên thì ra đồng, mặt trời xuống núi thì ta về nghỉ, đào giếng để lấy nước uống, làm ruộng để có cái ăn, sức lực của vua Thuấn có liên quan gì đối với ta chứ? Thời ấy, con người không hề tham lam, biết lễ phép và nhường nhịn nhau. Nên cảm ứng “Năm ngày một cơn gió đến, mười ngày một trận mưa rào; gió nhẹ không lay cây, mưa rào không phá đất.” Nhân gian mưa thuận gió hòa, sông xanh biển lặng, không gió táp mưa sa phá hoại đất đai mùa màng. Bốn biển một lòng, phượng hoàng bay lượn (*Phượng hoàng - loài chim biểu tượng của sự tốt lành*), thiên hạ sống có đạo đức, đều bắt đầu từ thời vua Thuấn.

Vua Thuấn qua đời tại Thương Ngô, làm vua được 49 năm, thọ 110 tuổi. Những năm cuối đời, vua Thuấn vì cảm kích công lao trị thủy của Vũ, tuy là có đứa con trai là Thương Quân nhưng Thương Quân bất tài vô dụng, nên vua Thuấn đã tiến cử Vũ cùng trời thần, theo phép nhường vị như vua Nghiêu mà nhường ngôi lại cho Vũ. Từ đây chính sách ‘Nhường vị’ của Trung Hoa lại thêm một trang mới. Vua Thuấn là một vị hoàng đế hiếu thảo nhất của Trung Hoa, cho dù phụ thân, mẹ kế, đối với vua tệt bạc bao nhiêu, em trai kiêu ngạo đến thế nào, vua cũng không để trong lòng, vẫn giữ trọn lòng hiếu thuận.

Khen rằng:

Mỹ đại thánh thần, nhĩn nhượng tư vãn: “Nhân nghĩa lễ trí căn ư tâm, kỳ sanh sắc dã, túy nhiên ư diện, áng ư bội, thí ư tứ thể, tứ thể bất ngôn nhi dụ” (Tạm dịch: *Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí sinh gốc rễ trong tâm mình. Màu sắc của nó chiếu soi nơi vẻ mặt, sáng soi nơi lưng, vận dụng nơi tay chân. Tứ chi không cần nói nhưng biểu hiện đã rõ.*)[1] Nhân lễ nghĩa trí đầy đủ gọi là “đẹp”, đầy đủ mà có sự nổi bật gọi là “lớn”, lớn mà có sự cảm hóa gọi là “thánh”, thánh mà có chỗ người khác không biết được gọi là “thần”. Đại Thuấn thuộc hạng người như vậy. Sức nhĩn

nhục của vua Thuấn đặc biệt phi thường, cho dù đối với Thuấn có xấu xa thế nào đi nữa, Thuấn vẫn luôn mở rộng tâm mình ra để thứ tha cho người đó. Thuấn đã không phát cáu, không khơi dậy ngọn lửa vô minh sân hận ấy, ngược lại còn biểu hiện sự khiêm tốn, thật thà ứng xử với người khác, nhu hòa điềm đạm, tùy thuận đón nhận nghịch cảnh. Cha của vua có mắt như mù, không rõ trắng đen phải quấy; người mẹ kẻ thì điêu ngoa thích đặt chuyện, lòng dối gian; em trai thì quen thói ngạo mạn, thường bắt nạt Thuấn; những điều như vậy Thuấn cũng nhẫn nhịn hết, chỉ hy vọng lấy sự nhân đức để cảm hóa bọn họ.

Hiệu khắp hạo thiên, Khuất kỷ đãi nhân: Thuấn từng thường nhìn lên trời mà cầu nguyện, chỉ mong sao có thể làm lòng cha mẹ vui. Có lúc hết cách, chỉ còn biết im lặng tự hỏi trời xanh, thậm chí nhìn trời xanh mà khóc, tự mình phản tỉnh lại tự trách mình chưa đủ tốt. Vua Thuấn luôn để mình chịu thiệt thòi, vì muốn cư xử với người thật tốt. Đây chính là hành vi của các bậc thánh.

Tượng diệu phục lao, Phủ ngũ huyền cầm: Lòng hiếu hạnh của Thuấn cảm động cả đất trời, đến loài voi cũng đều đến giúp Thuấn cày đất, chim chóc thì đến giúp Thuấn nhổ cỏ, gánh bớt sự nhọc nhằn cho Thuấn. Lúc nghỉ ngơi, Thuấn thường mang đàn Ngũ huyền cầm ra gảy để rèn dưỡng thân tâm.

Xướng Nam Phong ca, Giải uẩn ngô dân: Khúc hát Nam Phong ca rằng: “Nam Phong chi huân hề, khả dĩ giải ngô dân chi uẩn hề; Nam Phong chi thời hề, khả dĩ phụ ngô dân chi tài hề.” (Tạm dịch: *Ngọn gió Nam ấm áp chừ, có thể làm nguôi phiền muộn cho dân tôi; Ngọn gió Nam thổi qua, có thể giúp dân tôi hết sự làm than.*) Sự trong sáng và đức độ của vua Thuấn cũng như cơn gió Nam, có thể giúp cho trăm họ tiêu hết mọi muộn phiền; chính sách sáng suốt của vua, cũng như cơn gió Nam làm cho muôn vật sinh trưởng, trăm họ ăn no mặc ấm, an cư lạc nghiệp.

Giảng giải bài kệ:

Thiên sanh đại thánh huýnh bất đồng: Bậc đại thánh đại hiền, bẩm tính sinh ra không hề giống người thường, có thể chịu khổ chịu oan, tâm tính bình thản đón nhận mọi khảo nghiệm của cuộc đời. Nên Mạnh Tử nói: “Thiên tương giáng đại nhậm ư thị nhân dã, tất tiên khổ kỳ tâm chí, lao kỳ cân cốt, nộ kỳ thể phu, không pháp kỳ thân hành, phát loạn kỳ sở vi, sở dĩ động tâm nhĩ tánh, tăng ích kỳ sở bất

năng giả” nghĩa là: “*Khi trời muốn giao phó một trọng trách cho người nào thì trước hết làm cho khổ cái tâm chí, nhọc cái gân cốt, đói cái thể xác, cùng tưng cái thân người ấy, động làm gì cũng nghịch ý muốn; có vậy mới khích động cái tâm, kiên nhẫn cái tánh, thêm ích cho những điều chưa hay làm được.*” (Dùng lại lời dịch trong “*Thiền Luận*” quyển Thượng)[2] Bậc thánh nhân hay vượt qua được mọi khốn khó, nhẫn chịu được mọi gian nan, tuyệt đối không hề cúi đầu trước mọi hoàn cảnh.

Xuất loại bạt tụy chúng trung long: Đại Thuần là một bậc thánh nhân siêu xuất, vượt qua hẳn hạng người tầm thường, là loài rồng giữa loài người.

Lạc thủ dữ nhân dĩ vi thiện: Vua Thuần xem làm thiện là việc làm có nhiều niềm vui nhất, đầy đủ tâm từ bi của Bồ-tát, mang đến niềm an vui cho chúng sanh, nhỏ sạch mọi thống khổ của chúng sanh.

Kính thận luật kỷ hóa quần luân: Vua đối với người khác thì rộng rãi nhân hậu, đối với bản thân thì rất nghiêm khắc, thận trọng trong ứng xử, lấy bản thân làm gương cho người khác, thế nên cảm hóa được trăm họ trong khắp cả nước.

Tự canh gia đào giai như thử: Dù là lúc cày ruộng hay khi nắn đồ gốm, cho đến lúc đã làm hoàng đế, vua vẫn một thái độ như thế, không hề dễ dãi với mình, nhất cử nhất động đều có thể làm mô phạm cho nhân dân.

Học lễ thư số tận tinh thông: Vua còn rất hiếu học không biết mệt mỏi, lễ nghi, âm nhạc, bắn cung, cưỡi ngựa, viết chữ, toán số... môn nào cũng đều tinh thông.

Vô vi nhi trị bình thiên hạ: Vua dùng đức độ để cảm hóa nhân dân, nên có thể lấy cái vô vi mà làm cho thiên hạ thái bình thịnh trị.

Chí đức cảm vật tánh dẫn công: Vua dùng đức để cảm hóa chúng sanh, tuân theo lời dạy của vua Nghiêu khi nhường ngôi cho mình: “*Duẫn chấp quyết trung*” (*Lòng trong sáng không thay đổi*), xem đó như là chuẩn mực của việc trị nước. Đây là thành ý và tâm huyết của vua, giữ đường lối chính trị trung đạo. Lúc nào vua cũng lo lắng cho dân, thánh đức ấy của vua xứng đáng làm mô phạm cho người đời sau.

Hòa Thượng Tuyên Hóa giảng vào ngày 23 tháng 10 năm 1987

[1] Câu này xuất xứ từ câu nói của Mạnh Tử trong thiên “Tận tâm thượng”. Nếu văn dịch chưa sáng nghĩa, xin xem thêm “Mạnh Tử chú sớ” (D. G.)

[2] Mạnh Tử, thiên Cáo Tử, hạ